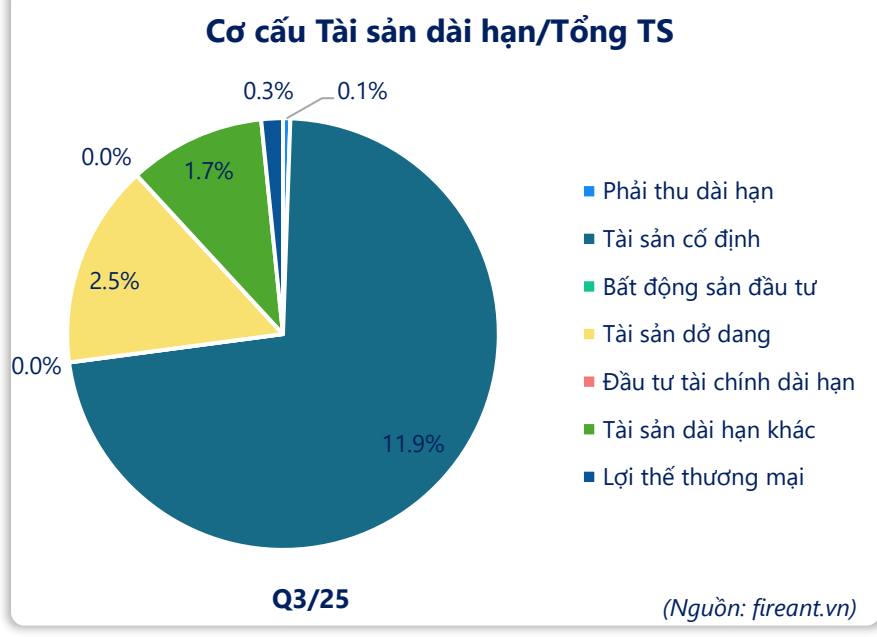
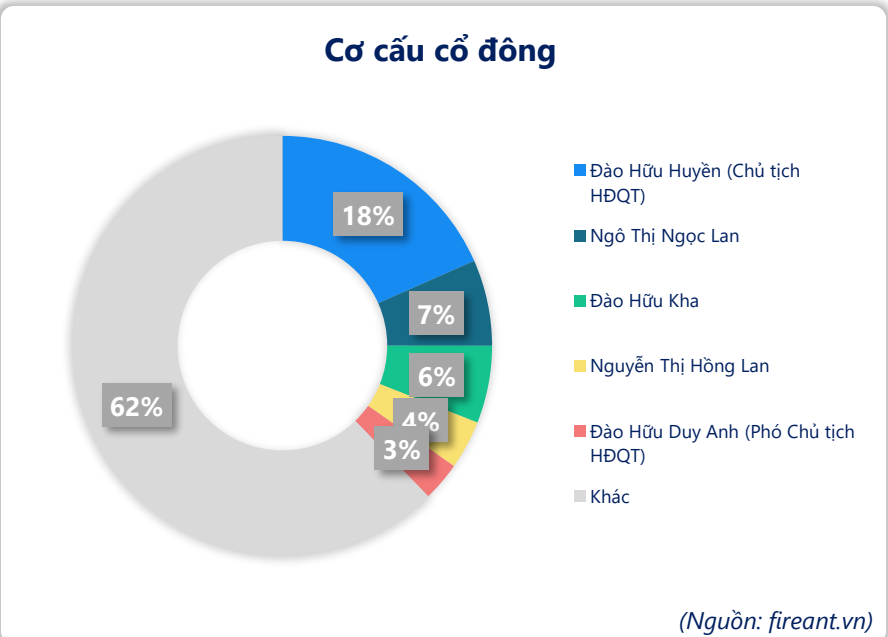
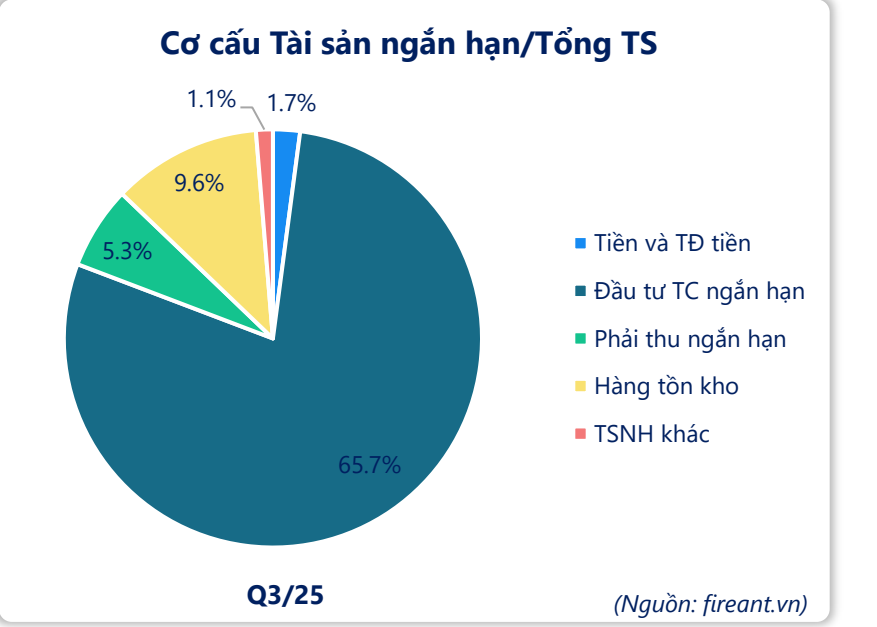
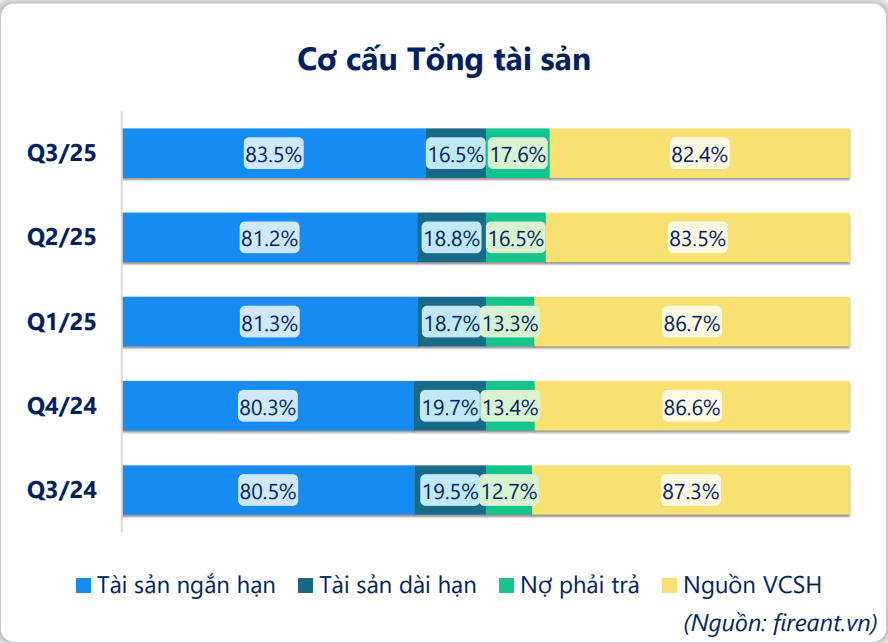
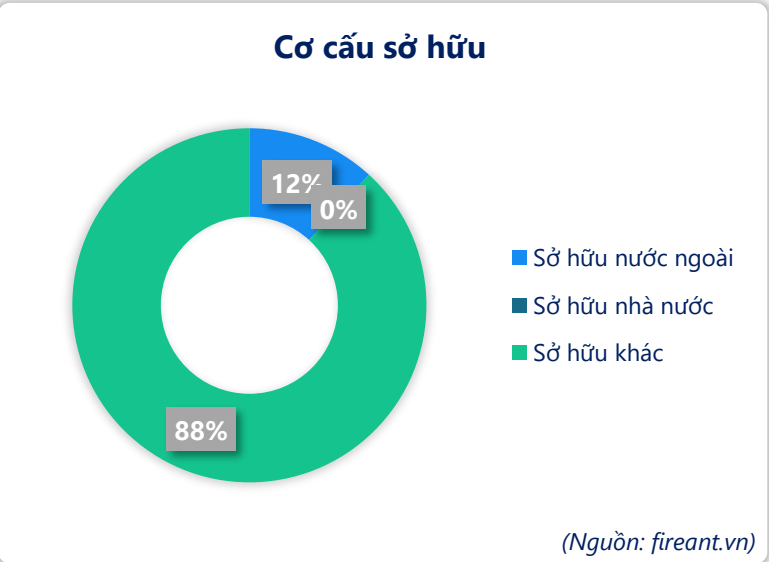
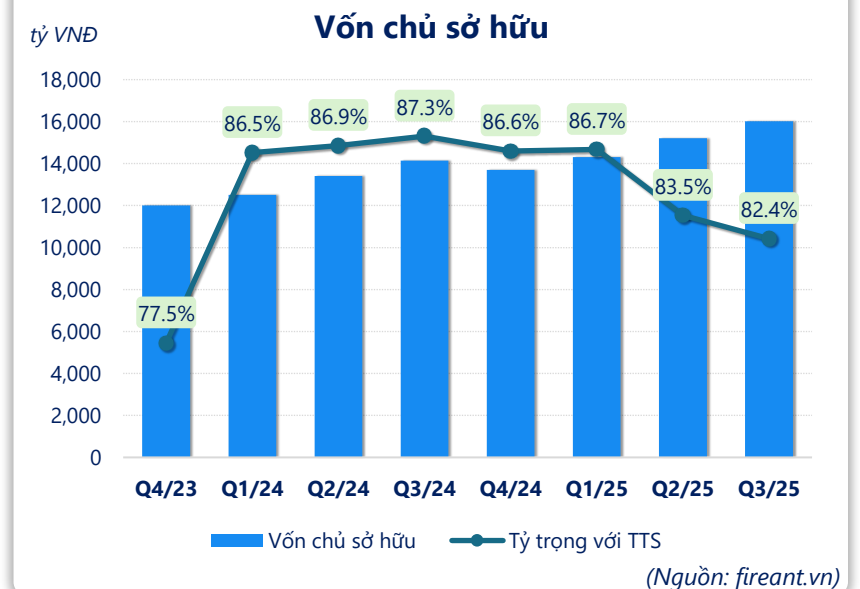
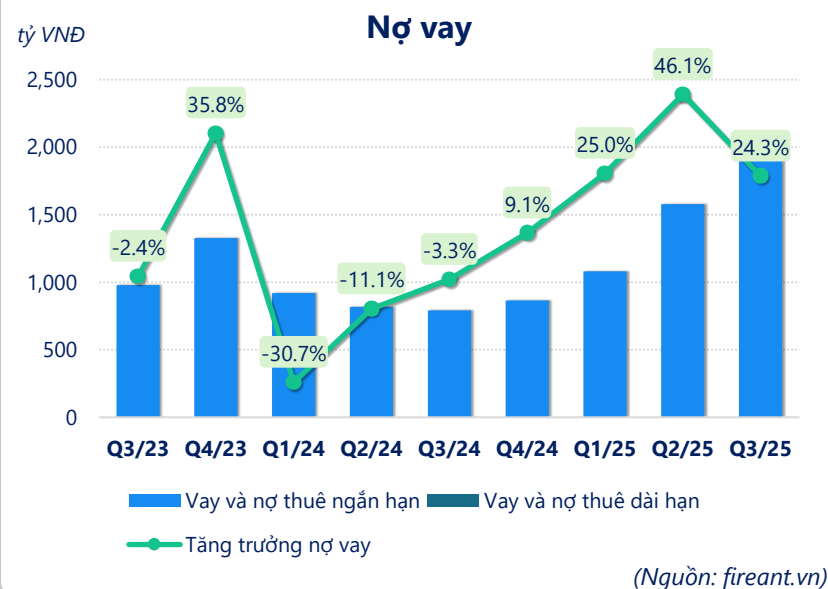
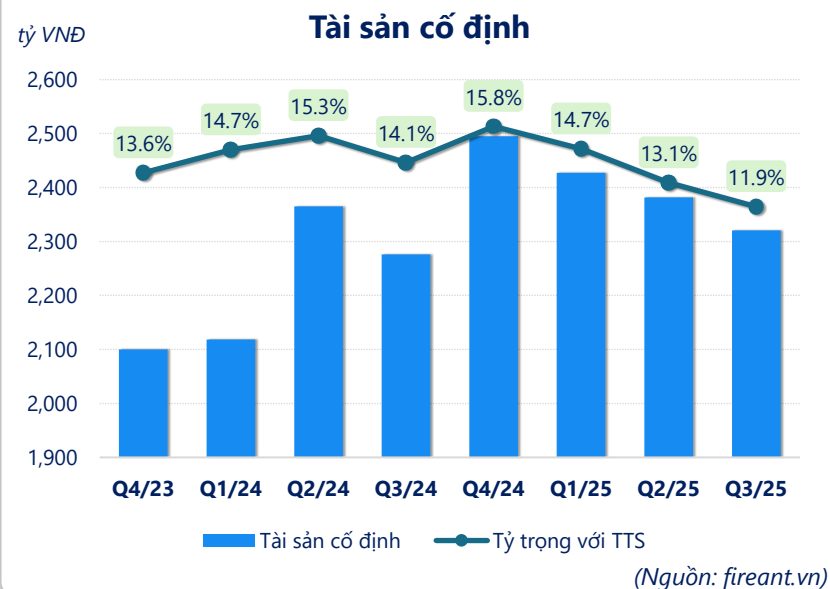
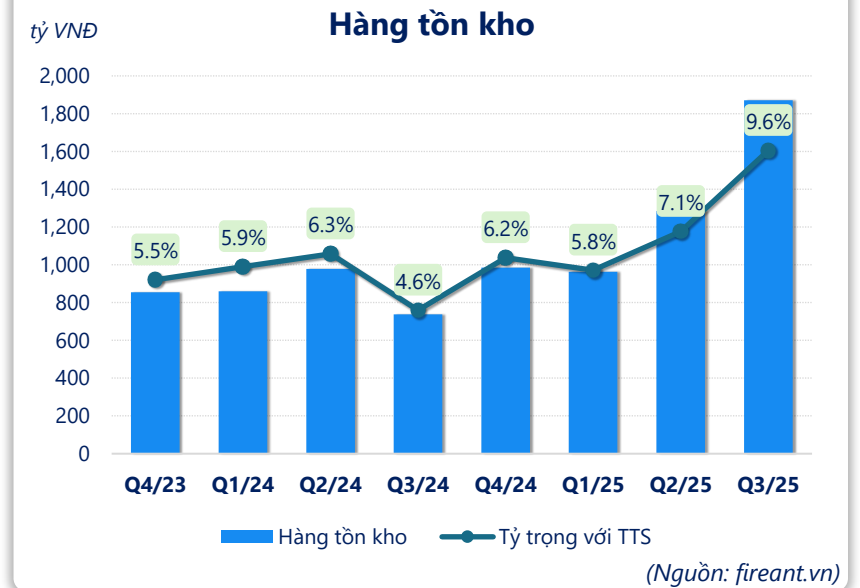
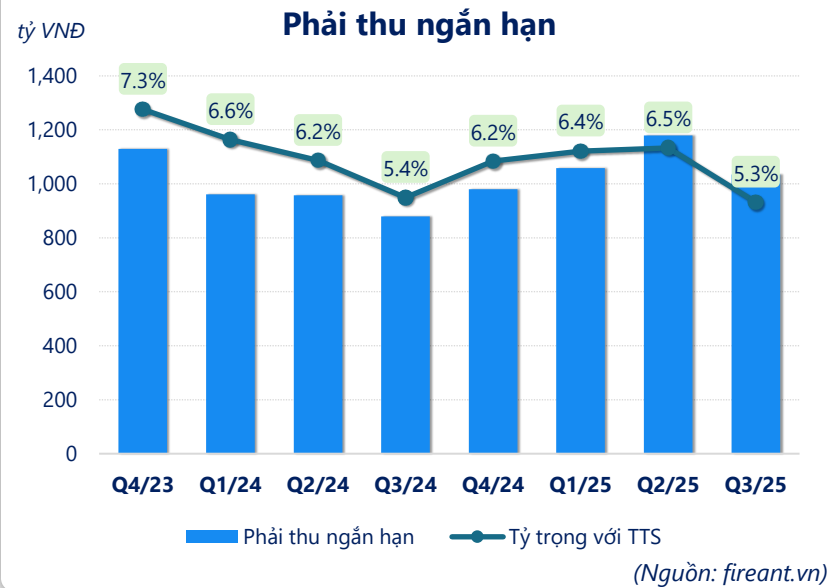
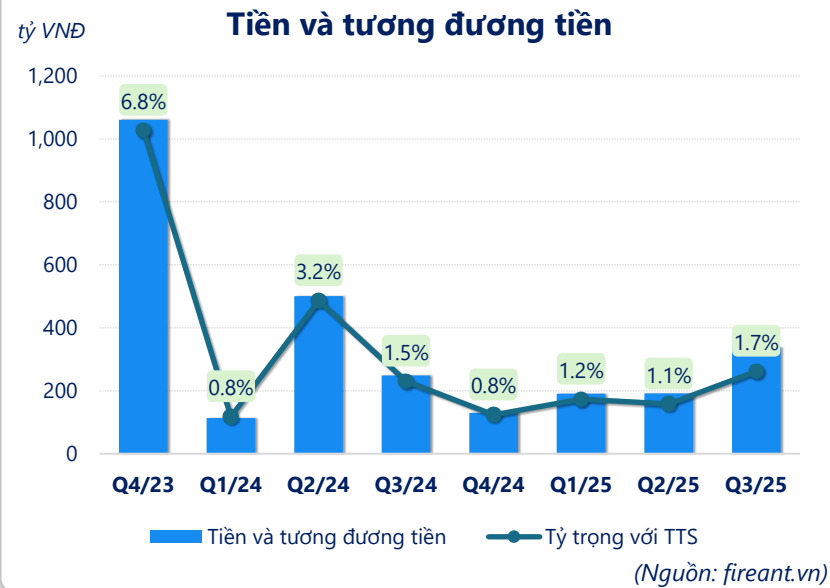
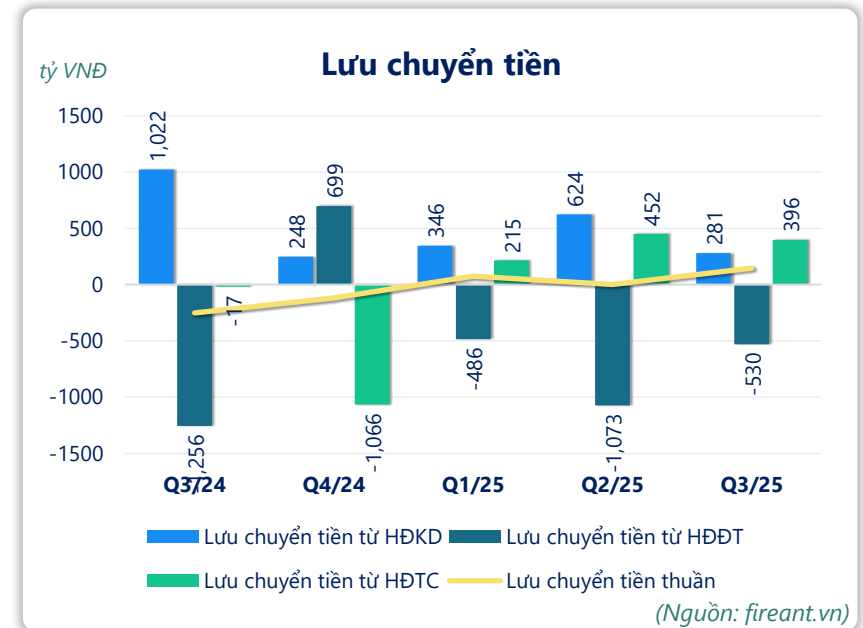
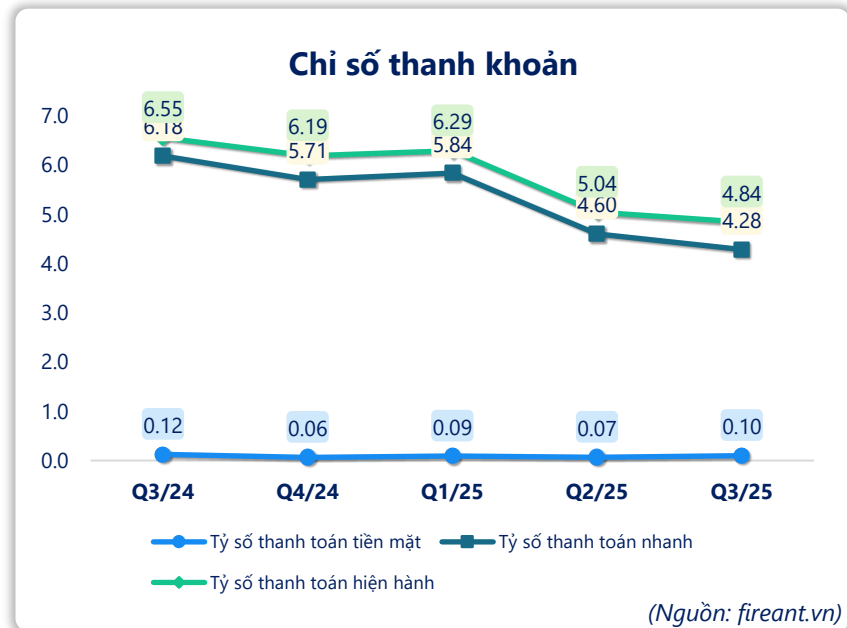
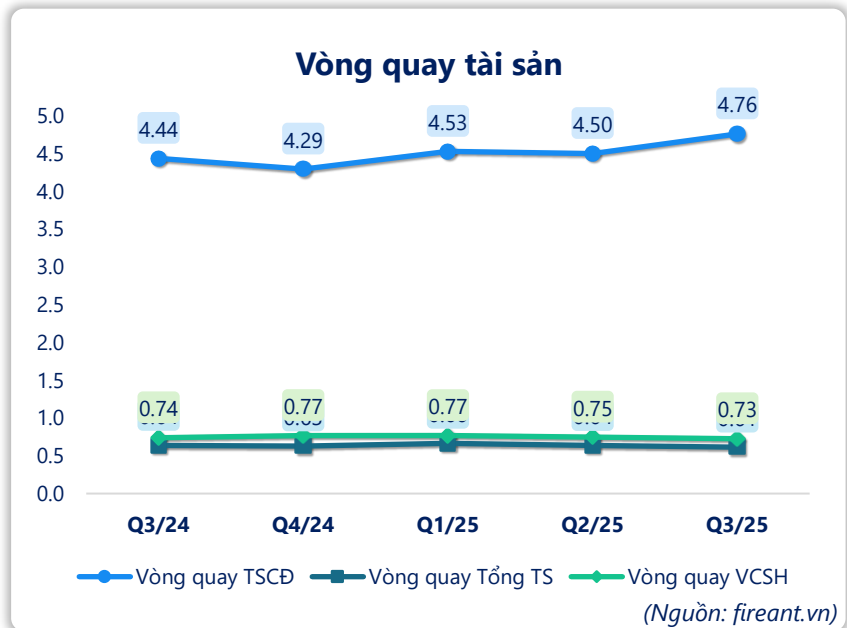
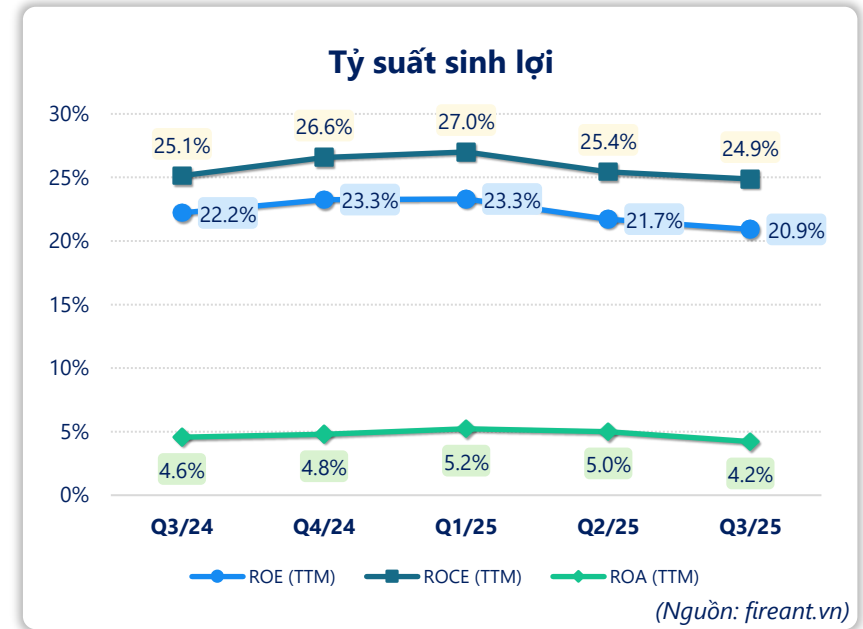
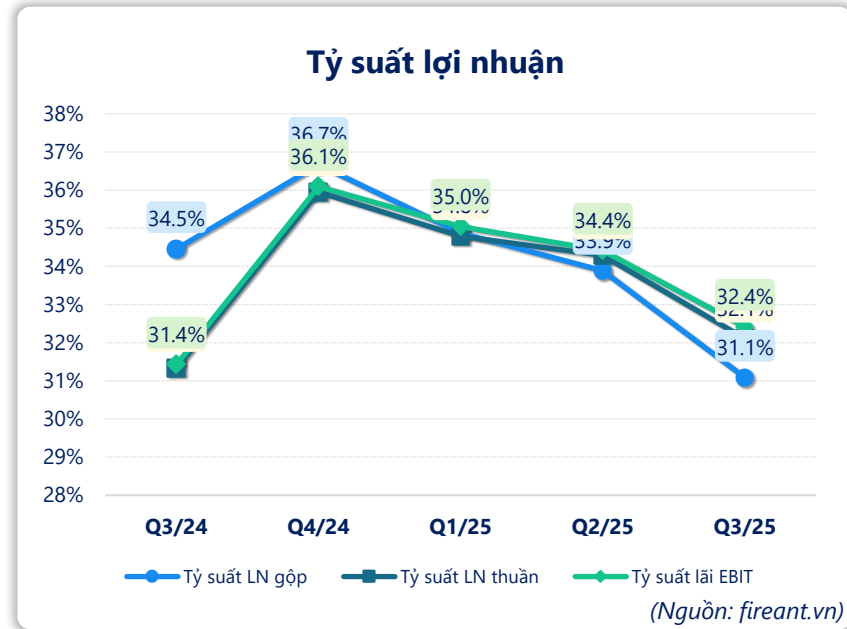
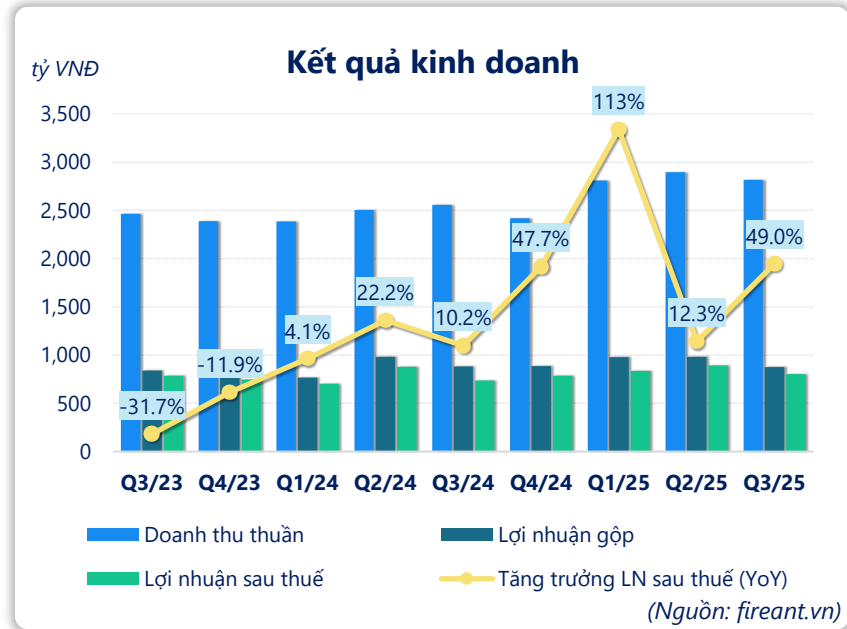


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		91,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		119,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		73,100
SL cổ phiếu LH		379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,911,105
% sở hữu nước ngoài		11.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		34,864
P/E		11.1
EPS		8,301

	YTD	1T	3T	6T
DGC	-21.3%	-5.9%	-10.9%	-6.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	19,424	15,821	22.8%
Tài sản ngắn hạn	16,217	12,701	27.7%
Tiền và tương đương tiền	339	116	193%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12,762	10,570	20.7%
Phải thu ngắn hạn	1,034	980	5.6%
Hàng tồn kho	1,871	985	90.0%
Tài sản ngắn hạn khác	212	50.1	323%
Tài sản dài hạn	3,207	3,121	2.8%
Phải thu dài hạn	17.5	32.5	-46.0%
Tài sản cố định	2,320	2,496	-7.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	489	161	203%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	328	374	-12.3%
Lợi thế thương mại	51.9	57.3	-9.4%
Nợ phải trả	3,413	2,120	61.0%
Nợ ngắn hạn	3,349	2,053	63.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,960	865	127%
Phải trả người bán ngắn hạn	368	313	17.4%
Nợ dài hạn	64.6	66.9	-3.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	16,011	13,701	16.9%
Vốn chủ sở hữu	16,011	13,701	16.9%
Vốn điều lệ	3,798	3,798	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,558	2,418	2,810	2,894	2,817
Giá vốn hàng bán	1,677	1,531	1,830	1,914	1,941
Lợi nhuận gộp	881	887	980	981	876
Doanh thu HĐTC	151	168	165	186	192
Chi phí TC	22.2	12.2	15.2	44.6	18.8
Chi phí lãi vay	3.92	5.38	6.99	9.88	11.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	168	124	110	86.5	98.8
Chi phí QLDN	39.9	49.9	41.5	42.8	45.5
LN thuần từ HĐKD	802	869	978	992	904
Lợi nhuận khác	-1.66	-2.00	0.05	-6.16	-3.14
LN trước thuế	800	867	978	986	901
Lợi nhuận sau thuế	738	787	837	891	804
LNST của CĐ cty mẹ	706	749	809	842	752

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,022	248	346	624	281
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,256	699	-486	-1,073	-530
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.4	-1,066	215	452	396
Tiền đầu kỳ	500	248	116	190	191
Lưu chuyển tiền thuần	-252	-119	74.7	2.16	146
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.25	0	-1.30	1.30
Tiền cuối kỳ	248	130	190	191	339

(Nguồn: fireant.vn)